

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – VĨNH LONG**

TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 167/2026/DS-ST

Ngày: 10-08-2026

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Trần Hoàng Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Hiền Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2026/TLST-DS, ngày 04/05/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2026/QĐXXST-DS, ngày 29/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 688/2026/QĐST-DS, ngày 16/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C (C cũ), xã B, Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V trình bày:

Do quen biết vào ngày 15/12/2024 (âm lịch), nhằm ngày 14/01/2025 (dương lịch), ông Nguyễn Thanh T có mượn bà V số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 19/4/2025 (*âm lịch*) nhằm ngày 16/05/2025 (*đương lịch*), bà lãnh 01 dây hui góp vốn xoay vòng 1.000.000đ, dây hui có 18 phần, bà hốt hui được 17.000.000đ và cho ông T mượn, ông T bù tiền trả 25.000.000đ mượn bà ngày 15/12/2024 (*âm lịch*) nhằm ngày 14/01/2025 (*đương lịch*), sau khi trả tiền cho bà xong, ông T nói kẹt tiền nên hỏi mượn lại 10.000.000đ của bà có làm biên nhận nhận tiền.

Về phần tiền hui ông T mượn là 17.000.000đ, ông trả lại mỗi tháng 1.000.000đ và trả được 08 tháng, còn thiếu 10 tháng tiền hui là 10.000.000đ. Từ ngày 16/12/2025 ông T không trả tiền hui và trả số tiền mượn 10.000.000đ. Bà có gặp yêu cầu ông T trả tiền là 20.000.000đ nhưng ông né tránh không trả cho đến nay. Bà V yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả lại số tiền là 20.000.000đ và chịu lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 16/12/2025 đến ngày 16/03/2026 là 04 tháng tiền lãi là 664.000đ. Tổng cộng vốn lãi 20.664.000đ (*Hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.*

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 1.000.000đ và rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu số tiền là 19.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V.

Buộc ông Nguyễn Thanh T trả số tiền là 19.000.000đ

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền rút lại là 1.000.000đ và tiền lãi suất, do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 950.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả lại số tiền vay, nên đây là hợp đồng vay tài sản; bị đơn cư trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Về nội dung:*

[1]. *Tại phiên tòa*, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 1.000.000đ và tiền lãi suất, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền là 19.000.000đ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, ra Quyết định đối chất, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn đến Tòa án đối chất, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong đó có lần Tòa án đã trực tiếp đến làm việc với bị đơn và phổ biến quyền, nghĩa vụ cho bị đơn, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T nhận (BL27, BL35) nhưng bị đơn vẫn không đến, không có bất cứ văn bản nào để trình bày gửi cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc phản đối đó. Như vậy cho thấy bị đơn có vay tiền của nguyên đơn trên thực tế, nhận định này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó xem

nếu bị đơn thừa nhận số tiền nợ nguyên đơn, đã từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý về việc từ bỏ đó.

Bị đơn nhận tiền trên, sau đó nguyên đơn đòi lại, bị đơn không thực hiện trả lại tiền trên cho nguyên đơn và nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn nhưng bị đơn vẫn không trả, gây thiệt hại cho nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải trả lại tài sản đó, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 19.000.000đ.

[2]. *Về án phí*: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật là $(5\% \times 19.000.000\text{đ}) = 950.000\text{đ}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V.

[1]. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc V số tiền là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi suất, không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí là 950.000đ. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo